TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **157**/2018/QĐST - HNGĐ	*Lục Ngạn, ngày 17 tháng 07 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ dân sự thụ lý số: 139/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/05/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Vi Thị T** - sinh năm 1989.

- Trú quán: Thôn K - Xã H - Huyện LN - Tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Ng** - Sinh năm 1984.

- Trú quán: Thôn K - Xã H - Huyện LN - Tỉnh Bắc Giang.

- Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 9 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 9/7/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Vi Thị T và anh Nguyễn Văn Ng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Vi Thị T và anh Nguyễn Văn Ng cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Vi Thị T và anh Nguyễn Văn Ng cùng thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn. Chị Vi Thị T có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Thị Hương Tr - Sinh ngày 03/8/2014. Anh Nguyễn Văn Ng có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Phú Tr - Sinh ngày 8/8/2007. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T anh Ng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị T, anh Ng được quyền đi lại thăm nuôi hai con chung không ai được cản trở chị T anh Ng thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Vi Thị T và anh Nguyễn Văn Ng có tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận với nhau xong, không liên quan vay nợ ai. Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ.

Về án phí: Áp dụng điều 147 BLTTDS, Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vi Thị T phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị T 150.000 đồng. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền dự phí án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: **AA/2016/0003373** ngày 17/05/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- CCTHADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã H, huyện Lục Ngạn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Hùng